

Hưng Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Tên nghề: Kỹ thuật Xây dựng

Mã nghề: 40580201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;
(tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá trung học phổ thông theo quy định của Bộ giáo dục - Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 25

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp .

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

- Kiến thức:

+ Nắm được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng; trình bày được phương pháp đọc và đọc được một bản vẽ thiết kế;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản và chuyên môn của các công việc của nghề Kỹ thuật xây dựng (đào móng, xây gạch, xây đá, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả ma tít, sơn vôi) nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm;

+ Nêu được quy trình thi công các công việc được giao thực hiện;

+ Nêu được ứng dụng một số thành tựu kỹ thuật - công nghệ, vật liệu mới ở một phạm vi nhất định vào thực tế nơi làm việc;

+ Tổ chức sản xuất và tìm kiếm việc làm.

- Kỹ năng:

+ Đọc được bản vẽ kỹ thuật và xác định được vị trí, kích thước của công trình;

+ Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;

+ Làm được được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, xây đá, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả ma tít, sơn vôi và một số công việc khác: lắp đặt mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà;

- + Xử lý được các sai phạm nhỏ thường gặp trong quá trình thi công.
- 2. *Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng.*
 - Chính trị, đạo đức
 - + Chấp hành chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước;
 - + Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể và xã hội;
 - + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.
 - Thể chất, quốc phòng
 - + Thể chất:
 - Sức khỏe đạt yêu cầu theo phân loại của Bộ Y tế;
 - Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
 - + Quốc phòng:
 - Học sinh được trang bị đầy đủ kiến thức môn học giáo dục quốc phòng.
- 3. *Cơ hội việc làm (các vị trí làm việc trong tương lai)*
 - + Làm thợ thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc các doanh nghiệp xây dựng;
 - + Tự tổ chức tổ, nhóm thợ thực hiện các công việc của nghề xây dựng.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. *Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu*
 - Thời gian khoá học: 1,5 năm
 - Thời gian học tập: 68 tuần
 - Thời gian thực học tối thiểu: 2003 giờ
 - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)
2. *Phân bố thời gian thực học tối thiểu:*
 - Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 255 giờ
 - Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2123 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 1395 giờ; Thời gian học tự chọn: 398 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 338 giờ; Thời gian học thực hành: 910 giờ; Thời gian kiểm tra: 147 giờ.
3. *Thời gian học văn hoá THPT đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp THCS:* Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

1. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc :

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	13	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	54	1395	338	910	147
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	10	180	137	28	15
MH 07	Vẽ kỹ thuật	3	75	41	28	6
MH 08	Bảo hộ lao động	2	30	28	0	2
MH 09	Điện kỹ thuật	2	30	27	0	3
MH 10	Vật liệu xây dựng	2	30	27	0	3
MH 11	Tổ chức sản xuất	1	15	14	0	1
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	44	1215	201	882	132
MĐ 12	Đào móng	2	55	18	31	6
MĐ 13	Xây gạch	12	330	42	262	26
MĐ 14	Lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ	2	55	10	39	6
MĐ 15	Trát, láng	11	325	45	244	36
MĐ 16	Lát, ốp	3	95	13	70	12
MĐ 17	Bạ mát tít, sơn vôi	2	55	13	34	8
MĐ 18	Lắp đặt thiết bị vệ sinh	2	55	16	32	7
MĐ 19	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	4	95	15	67	13

MĐ 20	Gia công lắp đặt cốt thép	4	95	15	69	11
MĐ 21	Trộn, đổ, đầm bê tông	2	55	14	34	7
III	Các mô đun tự chọn	13	473	63	392	18
MĐ 22	Xây đá	2	68	15	48	5
MĐ 23	Lắp đặt mạng điện sinh hoạt	3	90	24	60	6
MĐ 24	Lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà	3	90	24	60	6
MĐ25	Thực tập tốt nghiệp	5	225		224	1
	Tổng cộng	80	2123	495	1450	178

Ghi chú:- Đối với môn học: thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành

- Đối với chương trình mô đun: thời gian kiểm tra được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính vào giờ thực hành.

V. HƯỚNG DẪN THI TỐT NGHIỆP:

Số TT	Môn Thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	- Chính trị.	- Trắc nghiệm	60 phút
2	- Văn hoá THPT đối với hệ tuyển sinh THCS	- Môn Toán: thi viết - Môn Vật lý, Hoá học: thi trắc nghiệm	120 phút 90 phút
3	Kiến thức, kỹ năng nghề.		
	- Lý thuyết nghề: Xây, Trát, Ốp lát.	- Viết	120 phút
	- Thực hành nghề: Xây, Trát, Ốp lát.	- Bài thi thực hành	8 giờ
	- Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	- Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ (nếu bài thi là tích hợp thì không phải thi 2 phần trên)